

Thứ ba, ngày 22 tháng 11 năm 2022

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm hơn 8 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/11/2022	•		
Tuần 21/11-25/11/2022	•		
Tháng 11/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mặc dù tăng mạnh ngay khi mới mở cửa, VN-Index đã quay đầu giảm mạnh sau khi chạm trần vùng 980-985. Sau một ngày trời sục và giằng co, cuối cùng VN-Index đóng cửa tại mốc 952.12 điểm, giảm hơn 8 điểm so với phiên hôm qua. Diễn biến thị trường tương tự ngày hôm qua khi nhân tố kéo chỉ số giảm vẫn là nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Số mã tăng điểm lớn hơn số mã giảm điểm với 10/19 ngành kết phiên trong sắc xanh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Mặc dù hôm nay thị trường giảm điểm với thanh khoản lớn nhưng vẫn giữ được ngưỡng hỗ trợ 950 và nằm trên đường MA10. Trong ngắn hạn có lẽ thị trường vẫn sẽ tiếp tục giằng co trong vùng 950-970. Hiện tượng này hợp lý khi nhiều NĐT chốt lời sau hai phiên hồi phục mạnh mẽ tuần trước, đối đầu với lực cầu bắt đáy tại ngưỡng 950.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo xu hướng vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/11/2022, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-8.53** điểm, đóng cửa **952.12** điểm. HNX-Index **+2.26** điểm, đóng cửa **194.66** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.24)**, **VNM (+0.86)**, **EIB (+0.41)**, **PLX (+0.3)**, **VCI (+0.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.74)**, **VCB (-1.75)**, **VHM (-1.74)**, **MSN (-1.14)**, **GAS (-0.99)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,298** tỷ đồng, tăng **106.42%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **16,672** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **36.76** điểm. Thị trường có **251** mã tăng, **81** mã tham chiếu, **182** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **255.51** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (74.48 tỷ)**, **SSI (67.27 tỷ)**, **MBB (63.42 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **16.15** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **952.12**
Giá trị: 15297.73 tỷ **-8.53 (-0.89%)**

Khối ngoại (ròng): 255.51 tỷ

HNX-INDEX **194.66**

Giá trị: 1082.58 tỷ **2.26 (1.18%)**

Khối ngoại (ròng): 16.15 tỷ

UPCOM-INDEX **68.41**

Giá trị: 424.98 tỷ **0.76 (1.13%)**

Khối ngoại (ròng): 11.69 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	80.9	1.02%
Giá vàng	1,746	0.46%
Tỷ giá USD/VND	24,853	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,531	0.33%
Tỷ giá JPY/VND	175	0.39%
LS liên NH 1 tháng	6.9%	0.02%
LS TPCP 5 năm	4.8%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	74.5	DGC	-68.3
SSI	67.3	E1VFN30	-34.1
MBB	63.4	NVL	-30.3
FUEVFVND	47.0	GEX	-25.1
BID	38.8	VCB	-22.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 3
Khuyến nghị dài hạn	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 22/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	79.73	-0.44%	-7.15%	-5.73%	4.74%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	87.49	-0.15%	-6.07%	-4.08%	11.66%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.44	0.72%	-3.57%	-2.41%	11.51%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1739.01	-0.61%	-1.85%	5.48%	-3.66%		PNJ
Bạc	Ounce	20.86	-0.27%	-5.04%	8.30%	-13.69%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1435.50	0.51%	-0.35%	3.93%	12.65%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	800.50	-0.34%	-2.20%	-4.56%	-5.35%	AFX	
Sữa	Cwt	21.02	0.05%	0.14%	-3.58%	17.10%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	123.00	-3.07%	-5.46%	-0.08%	-31.40%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	19.86	-0.95%	0.15%	9.54%	0.51%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.84	0.00%	-1.39%	2.90%	-9.55%		
Cà phê	LB	157.50	4.10%	-5.23%	-17.28%	-31.92%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.57	-1.87%	-7.35%	3.59%	-18.76%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	3729.00	-0.37%	0.92%	0.49%	-13.54%		HPG
Nhôm	Ton	2384.50	-1.87%	-2.77%	9.63%	-11.34%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	99.50	2.05%	6.42%	3.65%	15.03%	HPG	
Than đá	Ton	343.45	2.64%	5.09%	-12.16%	125.21%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Kết thúc phiên, giá dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2023 có giá 87.45 USD, giảm 17 cent so với đóng cửa phiên thứ Sáu (18/11); dầu WTI kỳ hạn tháng 1/2023 giảm 7 cent xuống còn 80.04 USD/thùng.
- Giá dầu lao dốc lúc đầu phiên ngày thứ Hai (21/11) nhưng hồi phục vào cuối phiên sau khi Saudi Arabia bác bỏ thông tin cho rằng nước này đang thảo luận về việc tăng nguồn cung dầu với OPEC và các đồng minh.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay giảm 0.7% vào cuối phiên, xuống 1,738.40 USD/ounce, vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 giảm 0.8% xuống còn 1,739.6 USD.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong hơn một tuần vào thứ Hai, giảm hơn 1% do đồng đô la kéo dài đà tăng, trong khi sự chú ý của thị trường chuyển sang biên bản cuộc họp tháng 11 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ do tuần lễ này được rút ngắn vì Lễ Phục sinh.

Giá quặng sắt

- Trên Sàn giao dịch Singapore, quặng sắt giao tháng 12 giảm 2.9% xuống 95.7 USD/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc có lúc giảm 2.6% nhưng hồi phục nhẹ vào cuối phiên và kết thúc ở mức 745.5 nhân dân tệ (104.10 USD)/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tương lai giảm vào thứ Hai do đợt bùng phát COVID-19 mới tại nhà sản xuất thép hàng đầu thế giới - Trung Quốc làm giảm triển vọng nhu cầu, trong khi dự đoán nguồn cung tăng sau quyết định của Ấn Độ về việc dỡ bỏ thuế xuất khẩu đối với quặng sắt phẩm cấp thấp cũng góp phần gây áp lực lên giá.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 tăng 5.3 cent, tương đương 3.4%, lên 1.604 USD/lb. Hợp đồng này đã chạm mức thấp nhất trong 16 tháng vào tuần trước ở mức 1.5405 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1 vững ở mức 1,812 USD/tấn.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	59.0	-6.9%	0.8	2,727	10.1	3,436	17.2	3.9	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	107.5	0.6%	0.6	1,021	1.2	5,978	18.0	3.2	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	51.2	-2.2%	1.1	1,578	1.4	2,411	21.2	1.7	26.4%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	40.9	-0.3%	0.8	399	0.0	3,289	12.4	1.2	58.8%	9.6%
VIC	Bất động sản	58.5	-1.7%	0.4	8,855	3.9	(60)	#N/A N/A	2.1	12.2%	1.0%
VRE	Bất động sản	25.2	-1.9%	1.1	2,519	1.8	571	44.2	1.8	32.4%	6.6%
VHM	Bất động sản	50.0	-1.3%	0.7	8,311	5.7	6,478	7.7	1.8	23.0%	25.2%
DXG	Bất động sản	16.7	-6.7%	1.5	313	1.7	1,223	13.6	1.1	26.7%	9.2%
SSI	Chứng khoán	17.7	-6.8%	1.8	926	13.4	2,674	6.6	1.3	34.1%	14.5%
VCI	Chứng khoán	27.7	-7.0%	1.0	441	9.4	3,497	7.9	1.7	17.3%	24.3%
HCM	Chứng khoán	20.6	-6.8%	1.6	384	7.3	2,522	8.1	1.2	40.7%	14.5%
FPT	Công nghệ	75.5	-0.4%	0.9	3,463	5.0	4,512	16.7	4.2	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	61.9	-7.1%	0.4	764	0.1	4,926	12.6	3.4	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	109.1	1.7%	0.9	9,395	2.0	6,669	16.4	3.5	3.0%	25.5%
PLX	Dầu khí	33.3	0.2%	1.5	1,594	0.9	723	46.0	1.8	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	23.6	1.4%	1.5	449	7.3	1,104	21.4	0.9	11.9%	4.1%
BSR	Dầu khí	20.8	-1.7%	0.8	2,278	3.3	2,108	9.9	1.7	41.1%	19.1%
DHG	Dược	86.0	-1.2%	0.3	476	0.0	6,822	12.6	2.8	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	48.0	0.0%	1.4	696	3.5	14,563	3.3	1.4	16.4%	51.9%
DCM	Hóa chất	32.5	-0.7%	1.4	668	4.5	7,025	4.6	1.7	10.2%	49.8%
VCB	Ngân hàng	67.9	0.0%	0.8	14,774	3.8	5,273	12.9	2.6	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	33.0	0.0%	1.2	7,324	2.3	2,562	12.9	1.8	16.9%	18.1%
CTG	Ngân hàng	23.2	-4.7%	1.4	4,879	7.3	3,056	7.6	1.1	26.8%	15.5%
VPB	Ngân hàng	16.0	0.9%	1.2	4,991	17.2	2,503	6.4	1.2	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	17.5	-5.3%	1.4	3,341	8.6	3,467	5.0	1.2	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	21.1	2.5%	1.1	3,032	4.4	3,482	6.1	1.4	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	60.1	-6.9%	0.7	202	0.5	4,413	13.6	2.0	85.3%	22.9%
NTP	Nhựa	37.5	-1.4%	0.7	197	0.1	3,914	9.6	1.7	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.7	-6.3%	1.6	569	0.0	178	82.6	1.1	10.1%	1.4%
HPG	Thép	18.4	-6.5%	1.3	3,464	23.4	4,747	3.9	1.1	18.7%	17.0%
HSG	Thép	13.3	-6.8%	1.7	269	5.5	3,511	3.8	0.7	6.1%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	76.6	2.8%	0.5	7,469	9.3	4,055	18.9	4.7	55.5%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	190.9	1.1%	0.8	5,130	1.6	7,018	27.2	5.3	62.7%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	80.0	0.2%	1.0	5,231	4.7	7,172	11.2	3.9	29.5%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	14.3	-6.9%	1.5	330	0.5	1,229	11.6	1.0	8.0%	9.1%
ACV	Vận tải	77.0	-0.9%	0.8	6,938	0.0	363	212.2	4.5	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	109.1	0.1%	1.1	2,360	1.0	176	619.3	3.4	16.3%	0.4%
HVN	Vận tải	11.8	-5.6%	1.7	972	0.3	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	48.4	-1.6%	0.9	628	1.9	2,705	17.9	2.1	47.8%	14.2%
PVT	Vận tải	19.2	-1.2%	1.4	236	1.4	1,982	9.7	1.1	14.7%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	54.4	-4.2%	0.9	333	0.4	10,334	5.3	1.8	3.0%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	52.2	-6.9%	0.9	659	1.2	4,350	12.0	3.0	5.4%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	11.3	-7.0%	1.3	150	0.2	505	22.3	0.8	1.9%	4.7%
CTD	Xây dựng	46.6	-7.0%	1.4	118	1.1	(958)	#N/A N/A	0.4	52.6%	-0.7%
CII	Xây dựng	18.1	-6.9%	1.4	155	2.5	1,446	12.5	0.8	7.5%	7.1%
REE	Điện	80.0	-2.3%	-1.4	1,058	3.2	6,593	12.1	2.0	49.1%	20.2%
PC1	Điện	29.0	-7.0%	-0.4	203	1.3	2,081	13.9	1.4	4.4%	8.7%
POW	Điện	11.0	-0.1%	0.6	997	2.7	676	16.3	0.9	3.0%	3.9%
NT2	Điện	26.6	-6.9%	0.7	280	1.4	3,116	8.5	1.7	14.3%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	23.1	-7.0%	1.6	512	3.9	324	71.1	1.2	15.8%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	85.0	1%	0.9	3,375	0.7	1,640	51.8	5.1	2.9%	12.2%

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	77.0	363	212.2	4.5	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	107.5	5,978	18.0	3.2	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	21.4	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	75.5	4,512	16.7	4.2	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	60.1	4,413	13.6	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	57.3	4,637	12.4	2.3	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	25.9	1,755	14.7	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	42.6	9,171	4.6	1.5	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	77.0	11,226	6.9	1.9	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	47.4	4,901	9.7	2.0	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	20.8	2,108	9.9	1.7	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	26.7	1,966	13.6	1.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	16.7	1,223	13.6	1.1	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	18.4	4,747	3.9	1.1	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	19.0	1,127	16.9	0.9	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	48.0	14,563	3.3	1.4	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	11.3	505	22.3	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.6	3,116	8.5	1.7	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	21.4	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	19.3	2,692	7.2	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	16.1	1,168	13.7	1.5	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	29.0	2,081	13.9	1.4	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	11.0	676	16.3	0.9	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	17.0	6,984	2.4	0.7	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	80.0	6,593	12.1	2.0	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	31.9	4,406	7.2	0.9	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	109.1	6,669	16.4	3.5	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	35.1	3,842	9.1	1.6	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	18.4	4,747	3.9	1.1	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	12.4	4,170	3.0	1.3	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	20.8	2,108	9.9	1.7	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	60.7	3,616	16.8	5.1	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	107.5	5,978	18.0	3.2	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.0	1,889	7.4	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.6	3,116	8.5	1.7	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	57.3	10,763	5.3	1.1	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	80.8	5,014	16.1	5.2	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	29.0	2,081	13.9	1.4	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.0	179	67.0	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	75.5	4,512	16.7	4.2	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	26.1	2,642	9.9	1.7	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	17.0	6,984	2.4	0.7	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	11.0	676	16.3	0.9	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	107.5	5,978	18.0	3.2	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	59.0	3,436	17.2	3.9	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.2	1,982	9.7	1.1	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	78.0	74.7	4.42%	90	15.38%	Click
2	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	42.7	37.7	13.13%	51	20.05%	Click
3	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	12.4	10.6	16.51%	14	14.17%	Click
4	DRC	Ô tô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	19.0	17.1	10.82%	28	47.76%	Click
5	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	70.5	65.9	6.98%	85	20.00%	Click
6	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	63.4	59.8	6.02%	75	18.77%	Click
7	KDH	Bất động sản	HSX	Mua	22.5	19.4	15.72%	25	10.47%	Click
8	MBB	Ngân hàng	HSX	Mua	15.8	14.2	11.27%	19	20.89%	Click
9	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	40.2	37.9	6.07%	53	32.84%	Click
10	NLG	Bất động sản	HSX	Mua	23.1	18.4	25.54%	26	12.99%	Click
11	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	103.0	94.1	9.46%	119	15.44%	Click
12	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	73.5	75.0	-2.00%	90	22.86%	Click
13	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	36.5	34.9	4.58%	48	31.51%	Click
14	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	66.6	74.9	-11.08%	87	30.93%	Click
15	VHM	Bất động sản	HSX	Mua	45.3	43.4	4.38%	57	25.17%	Click
16	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	79.5	77.0	3.25%	86	8.05%	Click
17	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	26.2	25.0	4.60%	32	21.61%	Click

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



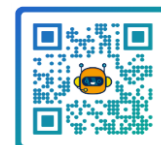
Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- > Tiện ích
- > Đầy đủ thông tin
- > Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
16	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
18	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
19	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
21	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
25	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
28	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
31	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
34	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
41	Banking Sector Outlook		x	Click
42	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
44	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

